

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm đường sắt.

Điều 3. Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đăng kiểm viên đường sắt là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này, được công nhận là Đăng kiểm viên đường sắt để thực hiện hoạt động đăng

kiểm phương tiện giao thông đường sắt và đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo quy định pháp luật.

2. Đăng kiểm viên đường sắt gồm 02 hạng, như sau:

- a) Đăng kiểm viên đường sắt;
- b) Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.

Chương II

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 4. Tiêu chuẩn của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt

- a) Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành đầu máy, toa xe, tàu điện metro, kỹ thuật hệ thống đường sắt, thông tin tín hiệu đường sắt;
- b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của pháp luật;
- d) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt;
- đ) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ Đăng kiểm viên đường sắt đủ 01 (một) năm trở lên.

2. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

- a) Có tổng thời gian giữ hạng Đăng kiểm viên đường sắt đủ 05 (năm) năm trở lên;
- b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- c) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao;
- d) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ về thẩm định hồ sơ thiết kế mới phương tiện đủ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Nhiệm vụ của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt

- a) Thẩm định hồ sơ thiết kế hoán cải các loại phương tiện giao thông đường sắt;
- b) Tham gia thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị;
- c) Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện, tổng thành, phương tiện giao thông đường sắt;
- d) Lập hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;
- đ) Tính các loại giá và lệ phí đăng kiểm;
- e) Hướng dẫn thực hành cho học viên đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt;
- g) Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ dành cho Đăng kiểm viên đường sắt;
- h) Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu.

2. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao thực hiện các nhiệm vụ của Đăng kiểm viên đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài ra còn thực hiện những nhiệm vụ sau:

- a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, tham mưu xây dựng, bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Thẩm định hồ sơ thiết kế mới các loại phương tiện giao thông đường sắt;
- c) Chủ trì thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị và đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị;

- d) Phúc tra kết quả kiểm tra của Đăng kiểm viên đường sắt, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ khi có yêu cầu;
- đ) Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ và đánh giá năng lực Đăng kiểm viên đường sắt;
- e) Tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung về chuyên môn nghiệp vụ dành cho Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao;
- g) Tham gia phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt khi có yêu cầu.

Điều 6. Quyền hạn của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở thiết kế, chế tạo, đóng mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm, quản lý phương tiện, thiết bị cung cấp các hồ sơ kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác đăng kiểm.
2. Bảo lưu và báo cáo lãnh đạo cấp trên các ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo phụ trách trực tiếp về kết luận đánh giá tình trạng kỹ thuật, sự phù hợp của đối tượng thẩm định, kiểm tra, đánh giá.
3. Ký và sử dụng dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ đăng kiểm cho đối tượng được thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định.
4. Từ chối thực hiện thẩm định, kiểm tra, đánh giá nếu công việc được phân công vượt quá năng lực chuyên môn nghiệp vụ đã được công nhận hoặc khi nhận thấy các điều kiện an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

Điều 7. Trách nhiệm của Đăng kiểm viên đường sắt

1. Đăng kiểm viên đường sắt chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.
2. Đăng kiểm viên đường sắt thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đăng kiểm và quy định của pháp luật.

Chương III

TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, CÔNG NHẬN

ĐĂNG KIỂM VIÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 8. Tập huấn nghiệp vụ